

Số: **4952**/QĐ-UBND

Mỹ Xuyên, ngày **24** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập
huyện Mỹ Xuyên năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Mỹ Xuyên năm 2020 (Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 04/9/2020 của UBND huyện Mỹ Xuyên về tuyển dụng viên chức huyện Mỹ Xuyên năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập huyện Mỹ Xuyên năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập huyện Mỹ Xuyên năm 2020, cụ thể như sau:

- Tổng số thí sinh đủ điều kiện: 122 người.
- Tổng số thí sinh có mặt tham dự xét vòng 2: 99 người.
- Tổng số thí sinh vắng mặt không tham dự xét vòng 2: 23 người.
- Tổng số thí sinh trúng tuyển: 66 người, trong đó:

- + Sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo: 60 người.
- + Đơn vị sự nghiệp huyện: 06 người.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Nội vụ Thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến người dự tuyển và tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng theo quy định; có trách nhiệm gửi thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển đảm bảo chính xác theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành ký kết hợp đồng làm việc.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mỹ Xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./-*h*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Đài truyền thanh huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Dặng Văn Phương

BIỂU KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP HUYỆN MỸ XUYỀN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 24 /12/2020 của UBND huyện Mỹ Xuyên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Điểm tương đương ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
		Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo																
A		Vị trí việc làm giáo viên mầm non																
I.		Trường Mầm non 2-9 Đại Tâm					3											
1	001	Lý Tú Ân		04/8/1999	Khmer	Ấp Tá Biên, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	A2	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
2	002	Thạch Thị Mỹ Dung		08/3/1999	Khmer	Ấp Tâm Kiên, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	50,5	5	55,5	đạt
3	003	Triệu Thị Bé Lan		25/01/1999	Khmer	Ấp Đại Chí, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
4	004	Thạch Thị Phà Ly		30/12/1994	Khmer	Ấp Bưng Cốc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
5	005	Hà Thị Bích Ngân		01/01/1999	Kinh	Ấp Chác Tung, xã Tài Vãn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		Vắng		Vắng	
6	006	Mai Nguyễn Thị Thủy Ngân		03/8/1998	Kinh	Xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		60,5		60,5	đạt
7	007	Hà Thị Bích Thủy		20/10/1999	Kinh	Ấp Chác Tung, xã Tài Vãn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		Vắng		Vắng	
8	008	Liêu Thị Huyền Trang		05/5/1994	Khmer	Ấp Bắc Dân, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	75,5	5	80,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
9	009	Thạch Thị Kiều Oanh		18/01/1996	Khmer	Ấp Bắc Dân, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
II.		Trường Mầm non Thạnh Phú					7											
1	010	Diệp Thị Tú Anh		19/10/1999	Khmer	Ấp Bồ Liên 3, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
2	011	La Thị Hạnh		25/3/1999	Khmer	Ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
3	012	Trương Như Hào		25/9/1996	Khmer	Ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	61	5	66	đạt
4	013	Diệp Thị Mỹ Hiền		10/3/1997	Khmer	Ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	85	5	90	đạt
5	014	Lý Thị Thu Hồng		21/8/1996	Khmer	Ấp Tâm Thọ, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	76,5	5	81,5	đạt
6	015	Lâm Thị Ngọc My		22/9/1998	Khmer	Ấp Trà Lây I, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
7	016	Đặng Thị Mỹ Ngọc		06/8/1996	Khmer	Ấp Tam Sóc C2, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học (GCN)	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	80	5	85	đạt
8	017	Lý Thị Cẩm Nhung		03/7/1999	Khmer	Ấp Tá Biên, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt
9	018	Mai Thị Monh Tha		05/9/1999	Khmer	Ấp Bắc Dân, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	

STT	Số báo đanh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
10	019	Trần Thị Cẩm Vân		13/3/1995	Khmer	Ấp Đai Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	A	Dân tộc thiểu số	60	5	65	đạt
III.		Trường Mầm non Thạnh Quới					7											
1	020	Thạch Thị Si Buôi		03/12/1994	Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	A	Dân tộc thiểu số	70	5	75	đạt
2	021	Liêu Thị Mỹ Hằng		20/9/1998	Khmer	Ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
3	022	Trương Thị Thúy Kiều		06/11/1991	Kinh	Ấp Trung Thành, xã Tuần Túc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	A2	A		51,5		51,5	
4	023	Trần Nguyễn Thúy Mai		01/7/1998	Kinh	Ấp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		60,5		60,5	đạt
5	024	Son Thị Hồng Nhi		15/9/1990	Khmer	Ấp Bung Thum, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt
6	025	Danh Thị Phương Quanh		22/10/1997	Khmer	Ấp Đai Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	60,5	5	65,5	đạt
7	026	Bùi Thị Trang		18/6/1991	Kinh	Ấp Phụng Sơn, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	A		55,5		55,5	đạt
8	027	Trương Kim Ty		21/02/1998	Khmer	Ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
9	028	Thạch Triệu Thảo Uyên		29/12/1997	Khmer	Quốc lộ 1A, khóm 2 phường 10, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65,5	5	70,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
10	029	Nguyễn Thị Ngọc Yến		16/01/1995	Kinh	Ấp Phú Thành, xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A2	A		67		67	đạt
IV.		Trường Mầm non Gia Hòa 1					2											
1	030	Đặng Thị Cẩm Nang		24/5/1999	Kinh	Ấp Hòa Phương, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1 (GXN)	UDCN TT cơ bản		71		71	đạt
2	031	Nguyễn Thị Hồng Y		14/4/1993	Kinh	Ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	A	A		85,5		85,5	đạt
V.		Trường Mầm non Gia Hòa 2					1											
1	032	Trần Xuân Đào		10/8/1985	Khmer	Ấp Đào Viên, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	B	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
2	033	Bùi Thị Ngọc		05/9/1996	Kinh	Ấp An Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		81,5		81,5	đạt
VI.		Trường Mầm non Hoa Hồng					2											
1	034	Lê Trần Bảo Trâm		11/7/1999	Kinh	Ấp Ngãi Phước, Thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		56		56	đạt
2	035	Nguyễn Thị Cẩm Tú		17/12/1999	Kinh	Ấp Mỹ Khánh A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		Vắng		Vắng	
VII.		Trường Mầm non Ngọc Đông					3											
1	036	Đỗ Thị Ngọc Châm		19/10/1999	Kinh	Ấp Hòa Thọ, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		50,5		50,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nhiệm dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
2	037	Lý Thị Bé Ngân		28/3/1999	Kinh	Ấp Sông Cái 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		50		50	đạt
3	038	Trần Anh Thư		01/02/1998	Kinh	Ấp Hòa Thọ, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		85,5		85,5	đạt
4	039	Lê Thị Quyên		30/10/1998	Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		Vắng		Vắng	
VIII.		Trường Mầm non Ngọc Tố					1											
1	040	Nguyễn Thị Cẩm Tú		24/6/1999	Kinh	Ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		66		66	đạt
IX.		Trường Mầm non Tham Đôn					6											
1	041	La Thị Phương Hậu		08/4/1998	Khmer	Ấp Bung Cà Pốt, xã Tài Vân, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	50	5	55	
2	042	Đặng Thị Ngọc Huỳnh		15/10/1999	Khmer	Ấp Giồng Cỏ, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	C	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	50	5	55	
3	043	Thạch Thị Xuân Mai		01/01/1993	Khmer	Ấp Tắc Gồng, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt
4	044	Thạch Thị Bích Ngọc		1989	Khmer	Ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
5	045	Thạch Thị Ái Nhi		15/6/1994	Khmer	Ấp Sô La 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	60	5	65	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
6	046	Huỳnh Thị Nhật Phương		29/01/1995	Khmer	Ấp Chợ Cũ, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	C	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	55	5	60	
7	047	Ngô Thu Phượng		17/4/1999	Kinh	Ấp Sông Cái 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		66,5		66,5	đạt
8	048	Trịnh Thị Bích Tiền		15/9/1994	Khmer	Ấp Sóc Bưng, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A	A	Dân tộc thiểu số	65	5	70	đạt
9	049	Điền Thị Huyền Trân		18/4/1998	Khmer	Ấp Phnôcambóth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1 (GXN)	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	75	5	80	đạt
10	050	Liêu Thị Thanh Trúc		09/9/1996	Khmer	Ấp Sô La 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	C	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
11	051	Phan Thị Cẩm Tú		07/11/1998	Khmer	Ấp Bồ Liên 2, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
12	052	Nguyễn Thị Hải Yến		20/7/1990	Kinh	Ấp Long Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	A		60		60	đạt
X.		Trường Mẫu giáo Bông Sen					1											
1	053	Dương Thị Kim Anh		22/12/1999	Khmer	Ấp Tắc Gông, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	50,5	5	55,5	
2	054	Lâm Thị Hồng Loan		12/7/1998	Khmer	Ấp Trà Bết, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	65,5	5	70,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
3	055	Lâm Hồng Thắm		03/8/1999	Kinh	Ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		Vắng		Vắng	
XI.		Trường Thực hành Sư phạm					4											
1	056	Huỳnh Phương Thảo Ngân		09/7/1999	Kinh	Ấp Phụng An, xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B1	UDCN TT cơ bản		71,5		71,5	đạt
2	057	Huỳnh Mộng Nghi		17/10/1995	Kinh	Ấp Hòa Đặng, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B		76		76	đạt
3	058	Sử Duy Nhung		13/4/1998	Kinh	Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B	UDCN TT cơ bản		65		65	
4	059	Nguyễn Thị Thanh Tâm		25/8/1990	Kinh	Ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng (GCN)	Giáo dục mầm non	B	A		67		67	
5	060	Liêu Phương Thảo		22/11/1985	Kinh	Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B	A		80		80	đạt
6	061	Liêu Phương Thủy		22/11/1985	Kinh	Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B		85,5		85,5	đạt
7	062	Lâm Thị Ứng		06/4/1998	Kinh	Ấp Sông Cái 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	C	UDCN TT cơ bản		Vắng		Vắng	
B		Vị trí việc làm giáo viên tiểu học																
		1) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học (dạy lớp)																
I		Trường TH Mỹ Xuyên 2					2											

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	063	Son Hoàng Mi		17/12/1995	Khmer	Ấp Bung Cà Pốt, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	57,5	5	62,5	đạt
II		Trường TH Đại Tâm 1					4											
1	064	Ngô Thị Tú Châm		27/10/1993	Khmer	Ấp Đại Úi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	A	Dân tộc thiểu số	90,5	5	95,5	đạt
III		Trường TH Thạnh Phú 1					3											
1	065	Lâm Thị Hồng Hạnh		31/12/1990	Khmer	Ấp Sóc Xoài, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	B	Dân tộc thiểu số	90,5	5	95,5	đạt
2	066	Trương Hồng Thới		18/10/1997	Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	85,5	5	90,5	đạt
3	067	Quách Thị Sà Vuôn		01/01/1992	Khmer	Ấp Bung Cóc, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	A	A	Dân tộc thiểu số	56,5	5	61,5	đạt
IV		Trường Thực hành Sư phạm					2											
1	068	Huỳnh Thị Thủy Hằng		29/7/1997	Kinh	Ấp 2, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	A		82		82	đạt
2	069	Nguyễn Thị Tú		26/02/1993	Kinh	Ấp Long An, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	UDCN TT nâng cao		86,5		86,5	đạt
		2) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học dạy môn Tin học																
I		Trường TH Thạnh Phú 3					1											
1	070	Trang Hữu Trường Duy	07/9/1993		Khmer	Ấp Sô La 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Toán - Tin học	A		Dân tộc thiểu số	64	5	69	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
2	071	Đặng Hoài Phương	19/7/1993		Kinh	Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Vật lý - Tin học	B	B	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	59	2,5	61,5	
3	072	Trương Thị Đa Ri		05/12/1988	Khmer	Ấp Sóc Bưng, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tin học	B		Dân tộc thiểu số	42,5	5	47,5	
II		Trường TH Thạnh Quới 1					1											
1	073	Trịnh Huy Thục	11/3/1990		Khmer	Ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Hệ thống thông tin	C		Dân tộc thiểu số	81	5	86	đạt
III		Trường TH Thạnh Quới 2					1											
1	074	Thạch Hồng Nhẫn	30/4/1991		Khmer	Ấp Châu Thành, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Tin học	A		Dân tộc thiểu số	64	5	69	đạt
IV		Trường TH Gia Hòa 2A					1											
1	075	Nguyễn Thị Kiều Mi		17/3/1994	Kinh	Ấp Mỹ Long, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Vật lý - Tin học	GCN tương đương A			70		70	đạt
V		Trường TH Ngọc Đông 2					1											
1	076	Võ Thị Hồng Đẹp		27/12/1988	Kinh	Ấp Hòa Phương, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tin học	B			42,5		42,5	
		3) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng Anh																
I		Trường TH Thạnh Phú 3					1											
1	077	Lý Thị Ra Quy		04/01/1990	Khmer	Ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	B tiếng Pháp	B	Dân tộc thiểu số	77,5	5	82,5	đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
2	078	Huỳnh Văn Thái	24/12/1994		Khmer	Ấp Đại Nghĩa Thắng, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	A2_tiếng Pháp	A	Dân tộc thiểu số	45	5	50	
II		Trường TH Tham Đôn 2					1											
1	079	Thái Minh Tân	16/6/1991		Kinh	Ấp Thạnh Lợi, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	B_tiếng Nhật	B	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	67,5	5	72,5	đạt
		4) Vị trí việc làm giáo viên tiểu học dạy môn Thể dục																
I		Trường Thực hành Sư phạm					1											
1	080	Thạch Dự Cường	02/9/1993		Khmer	Ấp Xây Cáp, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục thể chất	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	40	5	45	
2	081	Lâm Đa Ra Rith	18/12/1992		Khmer	Ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Giáo dục thể chất	B	A	Dân tộc thiểu số	38,5	5	43,5	
3	082	Lý Long Phình Xom Rít	22/7/1993		Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao	B	B	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
4	083	Hoàng Nhật Thanh	11/3/1991		Kinh	Khu dân cư Trần Hưng Đạo, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	Đại học; Thạc sĩ	Sư phạm Thể dục thể thao; Thạc sĩ Giáo dục thể chất	B1	UDCN TT cơ bản		76,5		76,5	đạt
C		Vị trí việc làm giáo viên Trung học cơ sở																

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
		1) Giáo viên THCS dạy môn Địa lý																
I		Trường THCS Gia Hòa 2					1											
1	084	Đào Thị Bảo Trân		04/12/1994	Kinh	Ấp Tam Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Địa lý	B	B		93		93	đạt
		2) Giáo viên THCS dạy môn Tiếng Anh																
II		Trường THCS Thạnh Phú					1											
1	085	Tiêu Ngọc Cẩm		05/9/1994	Hoa	Khóm 1, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	B_tiếng Pháp	A	Dân tộc thiểu số	93,5	5	98,5	đạt
III		Trường THCS Ngọc Tố					1											
1	086	Nguyễn Thị Bé Thảo		25/11/1995	Kinh	Ấp Kinh Mới, xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	B_tiếng Pháp	A		78		78	đạt
		3) Giáo viên THCS dạy môn Giáo dục công dân																
I		Trường THCS Ngọc Đông					1											
1	087	Lý Huỳnh	23/10/1992		Khmer	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân	B	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	52,5	5	57,5	
2	088	Nguyễn Khánh Nguyên	09/01/1997		Kinh	Ấp Hòa Thượng, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân	A	UDCN TT cơ bản		50		50	
3	089	Huỳnh Văn Tổng	16/4/1994		Kinh	Ấp 2, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân	B	A		82,5		82,5	
4	090	Huỳnh Thị Huyền Trân		02/12/1997	Kinh	Ấp Long Phụng, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân	B	UDCN TT cơ bản		61		61	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
5	091	Nguyễn Thị Như Ý		26/11/1994	Kinh	Ấp Hòa Nhờ A, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Giáo dục công dân	B	A		90,5		90,5	đạt
4) Giáo viên THCS dạy môn tiếng Khmer																		
I		Trường THCS Thạnh Phú					2											
1	092	Thạch Tăng Thái Cường	01/4/1994		Khmer	Ấp Cầu Tre, xã Phú Cầm, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	A2	A	Dân tộc thiểu số	82,5	5	87,5	
2	093	Kiểm Thị Thùy Dương		01/01/1991	Khmer	Ấp Bưng Thum, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	A	Dân tộc thiểu số	57,5	5	62,5	
3	094	Thạch Thị Ngọc Huỳnh		06/10/1993	Khmer	Ấp Khu II, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	C	A	Dân tộc thiểu số	89	5	94	đạt
4	095	Lâm Mà Ni	10/4/1996		Khmer	Ấp Trà Vôn B, xã Vĩnh Tân, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	A	Dân tộc thiểu số	60	5	65	
5	096	Điền Kim Quang	08/11/1993		Khmer	Khóm Tâm Trung, phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A	Dân tộc thiểu số	86	5	91	đạt
6	097	Dương Thị Thanh		16/5/1990	Khmer	Ấp Trà Do, xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	A	Dân tộc thiểu số	50	5	55	
7	098	Lâm Thị Thuần Trang		21/6/1997	Khmer	Ấp Đại Thành, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	A	Dân tộc thiểu số	61	5	66	
II		Trường THCS Thạnh Quới					1											

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đổi tương đương ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	099	Huỳnh Ngọc Bích		09/3/1997	Khmer	Ấp Đại Ân, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	A	UDCN TT cơ bản	Dân tộc thiểu số	Vắng		Vắng	
2	100	Kim Diên		01/01/1987	Khmer	Ấp Tiếp Nhứt, xã Viên An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	B	Dân tộc thiểu số	41	5	46	
3	101	Lý Thị Phương Dung		16/3/1992	Khmer	Ấp Tân Lộc, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A	Dân tộc thiểu số	61	5	66	
4	102	Thạch Thị Đình Đình		25/6/1993	Khmer	Ấp Càn Giò 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A	Dân tộc thiểu số	86	5	91	đạt
5	103	Huỳnh Ngọc Tiến		16/4/1994	Khmer	Ấp Tà Ân A1, Xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	A	Dân tộc thiểu số; Chiến sĩ nghĩa vụ CAND	81	5	86	
6	104	Lâm Ngọc Trí		12/3/1977	Khmer	Ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn Khmer Nam Bộ	B	B	Dân tộc thiểu số	40	5	45	
D	Vị trí việc làm nhân viên Văn thư																	
I	Trường Mầm non Hòa Tú 1						1											
1	105	Bùi Thị Bảo Ngọc		15/7/1992	Kinh	Ấp Hòa Trung, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	01.005	Trung cấp	Hành chính Văn thư	B	A		54		54	đạt
II	Trường THCS Hòa Tú 1																	
1	106	Nguyễn Thị Diệu		16/9/1991	Kinh	Ấp Hòa Lồi, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	01.005	Đại học	Ngữ văn và chứng chỉ văn thư	B	A		59,5		59,5	đạt
III	Trường Thực hành Sư phạm																	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Chú chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số									
1	107	Trần Thị Thanh Trúc		11/10/1985	Hoa	607/33 quốc lộ 1, Khóm 4, phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	01.005	Trung cấp	Thư ký văn phòng	B	A	Dân tộc thiểu số	50	5	55	đạt
E		Vị trí việc làm nhân viên Thư viện																
I		Trường TH Hòa Tú 1B					1											
1	108	Đặng Hoàng Kha	10/10/1973		Kinh	Áp Hòa Phường, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Nhân viên	V.10.02.07	Trung cấp	Thư viện	BI (GXN)	A	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	54	5	59	đạt
		Đơn vị sự nghiệp huyện																
I		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên																
		1) Vị trí việc làm hành chính tổng hợp					1											
1	109	Đặng Tuấn An	10/02/1981		Kinh	Khóm Vĩnh Hậu, Phường 3, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng		Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	A		13		13	
2	110	Quách Văn Phát	20/11/1982		Kinh	Áp Khu I, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Thương mại dịch vụ	B	B		51,5		51,5	đạt
		2) Vị trí việc làm Đào tạo nghề, hướng nghiệp					1											
I	111	Dương Thị Ngọc Dung		05/7/1992	Khmer	Khóm Tâm Trung, phường 10, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	A	Dân tộc thiểu số	59,5	5	64,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển			Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đổi tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học						
2	112	Lý Trường Đăng	11/5/1993		Khmer	Ấp Đại Thành, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	B		Dân tộc thiểu số	47	5	52	
3	113	Phạm Thị Thúy Hồng		15/01/1992	Kinh	Ấp Sông Cái 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	A			65,5		65,5	đạt
II		Đài truyền thanh																	
		I) Vị trí việc làm Biên dịch viên					1												
1	114	Lâm Thị Ngọc Huyền		16/12/1992	Khmer	Ấp Càn Đức, xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Biên dịch viên hạng III	V.11.03.09	Đại học	Ngôn ngữ Khmer	B	A		Dân tộc thiểu số	64	5	69	đạt
III		Trung tâm Văn hóa - Thể thao																	
		I) Vị trí việc làm Văn hóa, văn nghệ					1												
1	115	Châu Trường Hưng	02/9/1986		Kinh	Khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, TX. Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng		Văn hóa, văn nghệ	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa	B	B			78,5		78,5	đạt
2	116	Trần Thị Bé Ngọc		20/4/1997	Khmer	Ấp Ngọn, Xã Thanh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Văn hóa, văn nghệ	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa	Tương đương bậc 3	UDCN TT cơ bản		Dân tộc thiểu số	50	5	55	
3	117	Trương Minh Nhựt	19/9/1993		Kinh	Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Văn hóa, văn nghệ	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa	B	A			24,5		24,5	
4	118	Lý Thị Đà Ni		03/02/1996	Khmer	Ấp Tắc Bướm, xã Thanh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng		Văn hóa, văn nghệ	01.003	Đại học	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	B	A		Dân tộc thiểu số	19,5	5	24,5	
		2) Vị trí việc làm tuyên truyền lưu động					1												

STT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Hệ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đăng ký dự tuyển		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (18=16+17)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	119	Nguyễn Minh Dương	08/01/1995		Kinh	Áp Mỹ Tho, xã Mỹ Quới, TX Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng		Tuyển truyền viên chính	17.177	Đại học	Công tác xã hội	B	UDCN TT cơ bản		5	5		
2	120	Trình Thị Minh Nguyệt		19/11/1996	Kinh	Áp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng		Tuyển truyền viên chính	17.177	Đại học	Công tác xã hội	B	A		62		62	đạt
		3) Vị trí việc làm hành chính tổng hợp					1											
1	121	Danh Chí Phong	16/5/1991		Khmer	Khóm 3, phường 10, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Tài chính Ngân hàng	B	B	Dân tộc thiểu số	68	5	73	đạt
2	122	Trang Bửu Tân	24/6/1990		Kinh	Khóm 4, phường 7, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng		Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Tài chính Ngân hàng	B	B		Vắng		Vắng	